

TÒA ÁN ND HUYỆN NGÀ SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH THANH HÓA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2019

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thắm.

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2018/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1961.

Địa chỉ: xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa(có mặt)

* Bị đơn: Ông Hoàng Trọng Th – sinh năm 1959.

Địa chỉ: xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày.

Về hôn nhân: Bà và ông Hoàng Trọng Th kết hôn ngày 21/5/1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do ông Th thường xuyên có hành vi lăng mạ tổ tiên, đánh đập vợ con. Năm 2003 ông Th bỏ nhà đi biệt tích đến nay không có tin tức gì. Bà và gia đình đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không biết được tin tức của ông T, nên bà đã làm đơn đến Tòa án yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Th mất tích. Ngày 27/8/2018, Tòa án nhân dân huyện N đã mở phiên họp và ra Quyết định số 18/2018/QĐDS-ST, tuyên bố ông Th mất tích. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hoàng Trọng Th.

Về con chung: Bà và ông Th có 02 con chung là Hoàng Thị Thu H – sinh ngày 18/10/1998 và Hoàng Thị Kim A – sinh ngày 15/01/2001. Sau khi ly hôn, cháu H đã đủ tuổi trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết, còn cháu A quá trình giải quyết bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay cháu A đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Th theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên không có ý kiến của ông Th về việc bà T yêu cầu ly hôn. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt bà T, vắng mặt ông Th nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay ông Th vẫn vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông Th.

Do vụ án thời điểm thụ lý giải quyết liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

*Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn ông Hoàng Trọng Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên không chấp hành được các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên không thống nhất được hướng giải quyết của vụ án. Tại phiên tòa ông Th vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Trọng Th kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của bà T là hoàn toàn chính đáng, bởi cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc đã lâu, do ông Th thường xuyên có hành vi lăng mạ, đánh đập vợ con, mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2003 không quan tâm đến nhau. Hơn nữa, ông Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Chứng tỏ, ông Th không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Hoàng Trọng Th.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Trọng Th có 02 con chung là Hoàng Thị Thu H – sinh năm 1998 và Hoàng Thị Kim A – sinh ngày 15/01/2001.

Xét thấy, cháu H đã đủ tuổi trưởng thành, tự lo cho cuộc sống riêng của mình, bà T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu A quá trình giải quyết vụ án bà T đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu A xin được ở với mẹ. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử cháu A đã đủ tuổi trưởng thành, bà T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ông Hoàng Trọng Th không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần dành quyền dân sự cho anh Th khi có yêu cầu giải quyết về tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Cho bà Nguyễn Thị T ly hôn ông Hoàng Trọng Th.

* Dành quyền dân sự cho ông Th khi có yêu cầu giải quyết về tài sản.

* Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004932 ngày 30/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Bà T đã nộp đủ án phí.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Hùng